

Số: /BC-UBND

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Sơ kết 01 năm 06 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện Công văn số 2787-CV/VPTW ngày 03/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện phục vụ Hội nghị sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả nổi bật nhất qua 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Sau 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Nghệ An đã từng bước hình thành hệ thống lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; ban hành 518 văn bản chỉ đạo, tổ chức 10 cuộc họp Ban Chỉ đạo tỉnh; giao, theo dõi thực hiện 271 nhiệm vụ, trong đó có 98 nhiệm vụ thường xuyên, 163 nhiệm vụ đã hoàn thành (147 nhiệm vụ đúng hạn, 16 nhiệm vụ quá hạn), 10 nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn. Hạ tầng số, dữ liệu số và chính quyền số tiếp tục được đầu tư, phát triển; 100% xã, phường có cáp quang, 99,97% dân số được phủ sóng 4G/5G, 100% khu công nghiệp trọng điểm được phủ sóng 5G. Công tác cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt nhiều kết quả tích cực với 2.181 thủ tục hành chính được triển khai; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 96,9%, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 98,73%; chỉ số SIPAS đạt 84,33%, xếp thứ 11/34 tỉnh, thành phố; Chỉ số PAR INDEX đạt 88,15 điểm, xếp thứ 18/34 toàn quốc.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh, trong đó có nhiều hoạt động nghiên cứu đã đưa trí tuệ nhân tạo vào đề tài nghiên cứu, thể hiện hướng đi mới theo phương thức truyền thống. Riêng trong năm 2026, ngoài các nhiệm vụ, đề tài đã được tỉnh phê duyệt để thực hiện, tỉnh đã yêu cầu mỗi cơ quan, đơn vị nghiên cứu lựa chọn ít nhất một nhiệm vụ đột phá để thực hiện, tỉnh đã lựa

chọn được danh mục 88 nhiệm vụ (trong đó có 05 nhiệm vụ đột phá trên diện rộng và 83 nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương).

Tháng 6/2026, tỉnh tổ chức Hội thảo Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Nghệ An thông qua mô hình liên kết **Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp** trong khuôn khổ chương trình, đã diễn ra 8 cuộc ký kết thỏa thuận ghi nhớ hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, tổ chức hỗ trợ và doanh nghiệp nhằm tăng cường liên kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Việc ký kết hợp tác thể hiện cam kết đồng hành của các bên trong xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Nghệ An, đồng thời tạo nền tảng cho việc triển khai Đề án phát triển Nghệ An thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo theo mô hình liên kết 3 nhà.

Hạ tầng số cho hoạt động chính quyền địa phương hai cấp được triển khai quyết liệt, kịp thời, bảo đảm cho vận hành liên tục, cơ bản ổn định đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp, không bị gián đoạn.

2. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm mới ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW

Chuyển biến rõ nét nhất là nhận thức, tư duy và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có sự thay đổi căn bản trong toàn hệ thống chính trị. Nếu trước đây chuyển đổi số chủ yếu tập trung vào ứng dụng công nghệ thông tin thì đến nay đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong hoạt động của các cấp, ngành, địa phương, là động lực chính cho phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đóng góp quan trọng cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số. Nhiều nhiệm vụ mới, khó, chưa có tiền lệ đã được cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, đề án và dự án cụ thể; công tác quản lý, điều hành từng bước chuyển từ phương thức truyền thống sang dựa trên dữ liệu số, nền tảng số và các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được định hình rõ nét (*rõ việc, rõ cơ quan chủ trì, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và gắn với nguồn lực thực hiện*), bắt đầu có sức lan tỏa và tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh.

Mô hình liên kết 3 nhà bước đầu đã hình thành, đặt nền móng cho xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Bắc Trung bộ, trong đó lấy Đại học Vinh là hạt nhân.

3. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn hiện nay đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện

Các điểm nghẽn chủ yếu hiện nay tập trung ở thể chế, dữ liệu, hạ tầng số, nguồn lực tài chính và nhân lực. Cơ chế đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, quản lý và khai thác dữ liệu còn một số vướng mắc; nguồn lực dành cho số hóa

dữ liệu, phát triển hạ tầng số và bảo đảm an toàn thông tin chưa đáp ứng yêu cầu. Nhân lực công nghệ thông tin, an toàn thông tin và cơ yếu còn thiếu, đặc biệt ở cấp xã mới có 15/130 địa phương bố trí cán bộ cơ yếu. Hạ tầng số vùng sâu, vùng xa chưa được giải quyết triệt để, hiện vẫn còn 56 thôn, bản và 134 cụm dân cư lǝm sǝng, 21 thôn, bản và Đǝo Mǝt chưa cǝ lǝi điệu quǝc gia. Mǝt sǝ cơ sǝ dữ liệu chuyēn ngành cǝn chǝm xǝy dǝng, chưa kέt nối đǝng bǝ vǝi Trung tǝm dữ liệu quǝc gia; nǝng lǝc tǝ chức thực hiệu và phǝi hǝp liēn ngành ở mǝt sǝ đǝn vǝi chưa đǝp ǝng yēu cǝu trong bǝi cǝnh khǝi lǝng nhiệu vǝ lǝn và mǝ hǝnh chǝnh quyēn đǝa phưǝng 2 cǝp mǝi đưǝc triēn khai. Chưa thu hǝt đưǝc các đǝan nghiệp lǝn vē cǝng nghiē chiến lǝc đǝt chân trēn đǝa bǝn.

4. Mǝ hǝnh phǝt triēn mǝi bǝt đǝu hǝnh thǝnh tǝi đǝa phưǝng

Sau 1,5 nǝm triēn khai Nghi quyet sǝ 57-NQ/TW, mǝt sǝ mǝ hǝnh quǝn trǝi và phǝt triēn mǝi đǝa trēn dữ liệu sǝ đǝ bưǝc đǝu hǝnh thǝnh. Tǝnh đǝng triēn khai xǝy dǝng Kho dữ liệu dǝng chung, phǝt triēn các cơ sǝ dữ liệu chuyēn ngành; triēn khai vǝn hǝnh Trung tǝm Phưc vǝ hǝnh chǝnh cǝng cǝp xǝ theo mǝ hǝnh tǝ chức mǝi gǝn vǝi chǝnh quyēn đǝa phưǝng 2 cǝp; tǝng bưǝc triēn khai các nēn tǝng trǝ lý ǝo hǝ trǝ cǝn bǝ, cǝng chức, hǝc bǝ sǝ, các nēn tǝng chǝnh quyēn sǝ và hǝ thǝng quǝn trǝ chuyēn ngành phưc vǝ cǝng tǝc quǝn lý, điēu hǝnh. Đέn nay, tǝnh đǝng quǝn lý 10 hǝ thǝng thǝng tin dǝng chung và tǝp trung xǝy dǝng 11 cơ sǝ dữ liệu chuyēn ngành trǝng điểm để tǝng bưǝc hǝnh thǝnh mǝ hǝnh quǝn trǝi sǝ, nǝng cǝo hiệu quǝ hǝt đǝng của bǝ máy chǝnh quyēn và nǝng lǝc cǝnh trǝnh của đǝa phưǝng trǝng giai đǝan tǝi.

Mǝ hǝnh liēn kέt 3 nhǝ đǝ đưǝc hǝnh thǝnh, đǝt nēn mǝng cho xǝy dǝng Trung tǝm đǝi mǝi sǝng tǝo của vǝng đǝa trēn 3 trưc liēn kέt.

I. Vē CǝNG TǝC CHǝ ĐǝO, ĐIēU HǝNH

1. Nhǝng kέt quǝ nổi bǝt trǝng cǝng tǝc chǝ đǝo, điēu hǝnh tǝi cơ quǝn, khǝi cơ quǝn

1.1. Kέt quǝ nổi bǝt trǝng cǝng tǝc chǝ đǝo, điēu hǝnh gǝn vǝi vai trǝo của cǝp ǝy, tǝ chức đǝng, ngǝi đǝng đǝu (nhǝng điểm mǝi so vǝi đǝu nǝm 2025)

Sau 1 nǝm 6 thǝng triēn khai thực hiệu Nghi quyet sǝ 57-NQ/TW, cǝng tǝc lǝnh đǝo, chǝ đǝo của Tǝnh ǝy, Ban Thưǝng vǝ Tǝnh ǝy, Ban Chǝ đǝo tǝnh cǝ nhiệu đǝi mǝi rǝ nét cǝ vē tư duy, phưǝng thức chǝ đǝo và tǝ chức thực hiệu. Ngay sau khi Nghi quyet đưǝc ban hǝnh, tǝnh đǝ thǝnh lǝp Ban Chǝ đǝo cǝp tǝnh do đǝng chǝ Bí thư Tǝnh ǝy lǝm Trưǝng ban; ban hǝnh Kέ hǝch hǝnh đǝng sǝ 328-KH/TU và các chưǝng trǝnh, kέ hǝch cǝng tǝc hǝng nǝm để cǝ thể hǝa nhiệu vǝ. Đέn ngǝy 10/6/2026, tǝn tǝnh đǝ ban hǝnh 518 vǝn bǝn lǝnh đǝo, chǝ đǝo; tǝ chức 10 cǝc hǝp Ban Chǝ đǝo tǝnh; giao, theo đǝi thực hiệu 271 nhiệu vǝ, trǝng đǝ cǝ 98

nhiệm vụ thường xuyên. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc được thực hiện thường xuyên, gắn trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điểm mới nổi bật so với đầu năm 2025 là việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW không còn dừng ở các nhiệm vụ riêng lẻ về công nghệ thông tin mà đã được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác của cấp ủy, chính quyền các cấp; được đưa vào nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030, chương trình hành động, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng địa phương. Phương thức chỉ đạo điều hành từng bước chuyển từ quản lý theo kinh nghiệm sang quản lý dựa trên dữ liệu, kết quả và tiến độ thực hiện nhiệm vụ; tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong theo dõi, giám sát và điều hành¹.

Việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 57 từng bước được số hóa dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.2. Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại; khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ; tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đã tạo ra những chuyển biến tích cực, rõ nét trên nhiều lĩnh vực. Trong tổng số 271 nhiệm vụ được giao, đến nay đã hoàn thành 163 nhiệm vụ đã hoàn thành, 10 nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn. Hạ tầng số tiếp tục được đầu tư đồng bộ với 100% xã, phường có cáp quang; 99,97% dân số được phủ sóng 4G; 100% khu công nghiệp trọng điểm được phủ sóng 5G; trên 250 km cáp viễn thông được chỉnh trang, góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng số và bảo đảm mỹ quan đô thị. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được triển khai quyết liệt, hoàn thành cao các chỉ tiêu của Trung ương giao; cơ sở dữ liệu chuyên ngành từng bước được hoàn thiện, trong đó có các CSDL trọng yếu về đất đai, lý lịch tư pháp, bảo hiểm xã hội...

Cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước có nhiều chuyển biến thực chất. Toàn tỉnh hiện triển khai 2.181 thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 96,9%; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 98,73%. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt 84,33%, xếp thứ 11/34 tỉnh, thành phố; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đạt 88,15 điểm, xếp thứ 18/34 toàn quốc. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được duy trì, vận hành ổn định, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

¹ <https://nq57.nghean.gov.vn>; <https://theodoingq.dcs.vn>; <https://pakn.dcs.vn>.

Nhiều khó khăn, vướng mắc trước đây về tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp, hạ tầng số cơ sở và nhận thức trong triển khai chuyển đổi số từng bước được tháo gỡ. Nhận thức của cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được nâng lên rõ rệt; trách nhiệm người đứng đầu được phát huy mạnh mẽ hơn. Các mô hình mới phục vụ quản trị, điều hành, cung cấp dịch vụ công và quản lý chuyên ngành từng bước được hình thành, tạo nền tảng cho việc xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

(Phụ lục II kèm theo).

2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao

- Tổng số nhiệm vụ được giao trong kỳ báo cáo là 271, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 163 chiếm 60,1% (trong đó Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 147 chiếm tỷ lệ 54,2%; Số nhiệm vụ đã hoàn thành quá hạn: 16 chiếm tỷ lệ 5,9%.

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn: 108 chiếm 39,9% (trong đó có 98 nhiệm vụ thường xuyên)

Đang thực hiện - Quá hạn: 0.

Chưa thực hiện - Quá hạn: 0.

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP)

Đến nay, hệ thống pakn.nq57.vn đã tiếp nhận 06 phản ánh, kiến nghị (không có sáng kiến tiếp nhận). Kết quả đã xử lý:

- Giải quyết 05/06 nội dung. Nội dung kiến nghị tập trung vào: (1) đề xuất rút gọn thông tin cá nhân khi thực hiện TTHC trực tuyến đã đăng nhập VNeID; (2) kiến nghị hướng dẫn bố trí nhân lực CNTT phục vụ chuyển đổi số tại cấp xã; (3) Việc ứng dụng AI; (4) Đảm bảo an toàn điện lưới; (5) Hệ thống phần mềm dùng chung. Các nội dung đã được chuyển cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

- Ngày 14/6/2026, hệ thống tiếp nhận 01 ý kiến phản ánh, kiến nghị, hiện Sở Nông nghiệp và Môi trường đang xử lý (trong hạn), tuy nhiên, nội dung kiến nghị không liên quan đến Nghị quyết số 57.

(Phụ lục III kèm theo)

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Bám sát các định hướng của Trung ương theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế,

chính sách được tỉnh chủ động triển khai từ sớm, mang tính định hướng theo giai đoạn đến năm 2030.

Năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành **518** văn bản. Trong đó có 227 quyết định, chương trình, kế hoạch, đề án (năm 2025 ban hành 62 văn bản, năm 2026 ban hành 165 văn bản). Trong đó, tỉnh đã ban hành **02** chương trình; **05** kế hoạch chung của năm 2026² để làm căn cứ triển khai thực hiện các nhiệm vụ; đồng thời đang dự thảo, xin ý kiến và chuẩn bị ban hành **01** Nghị quyết của HĐND tỉnh; **01** Đề án; **02** Kế hoạch³ và các văn bản đơn đốc, hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị; đăng ký sử dụng hạ tầng và dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm Dữ liệu quốc gia; hướng dẫn triển khai hệ thống văn bản Mật của Văn phòng Chính phủ cho các cơ quan hành chính; đồng thời chuẩn bị xây dựng các văn bản: Chiến lược dữ liệu, Chiến lược CDS, Kế hoạch phát triển kinh tế số - xã hội số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030; Triển khai các bộ Luật mới ban hành: Luật CDS, Luật Trí tuệ nhân tạo; Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh;...

Trong 6 tháng đầu năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành **12 Chỉ thị** quan trọng để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Trong đó, Chỉ thị về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 xác định: phát triển và ứng dụng KHCN, ĐMST, CDS là động lực nền tảng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững; Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả công tác CCHC (CCHC) tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh CDS, từng bước nâng cao thứ hạng chỉ số CCHC cấp tỉnh; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Các chủ trương, cơ chế, chính sách bước đầu đã được cụ thể hóa vào thực tiễn thông qua việc triển khai các nền tảng số dùng chung, mở rộng hạ tầng viễn thông, xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu, thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến và triển khai CDS đến cấp xã. Nhiều khó khăn, vướng mắc về thiếu định hướng tổng thể, thiếu cơ sở pháp lý triển khai dữ liệu số, hạ tầng số và tổ chức thực hiện từng bước được tháo gỡ; tạo điều kiện để các sở, ngành, địa phương

² Chương trình, kế hoạch chung của năm 2026 đã ban hành:

Kế hoạch số 1174-KH/UBND, ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2026; Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 14/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 05/05/2026 triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến; Kế hoạch số 44-KH/TU ngày 20/04/2026 triển khai 04 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; Kế hoạch thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ số...

- Chương trình công tác năm 2026 số 01-CTr/BCĐ, ngày 14/4/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình số 24-CTr/TU ngày 22/04/2026 thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW của Ban Bí thư về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu.

³ Đã dự thảo, xin ý kiến và chuẩn bị ban hành

- Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Nghệ An (BTV Tỉnh ủy đã có thông báo đề nghị ban hành);

- Đề án Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030 (đang trình BTV Tỉnh ủy);

- Các kế hoạch: Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030 (đã hoàn thiện, tiếp thu ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương); Kế hoạch truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với tình hình thực tiễn.

(Phụ lục IV kèm theo).

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)²

1.1. Tổng số TTHC được triển khai áp dụng

Đến tháng 12/2025, UBND tỉnh Nghệ An đã thực hiện cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến trên cơ sở dữ liệu TTHC của Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể:

Cấp tỉnh: 1.752 TTHC, bao gồm bao gồm 966 DVC trực tuyến toàn trình/968 DVC trực tuyến đủ điều kiện toàn trình (đạt tỷ lệ: 99,8%); 786 TTHC cung cấp DVC trực tuyến một phần.

Cấp xã: 428 TTHC, bao gồm 156 DVC trực tuyến toàn trình/182 DVC trực tuyến đủ điều kiện toàn trình (đạt tỷ lệ: 85,7%); 272 TTHC cung cấp DVC trực tuyến một phần.

Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2026 việc công bố, công khai, cung cấp DVC trực tuyến thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành trên cơ sở dữ liệu TTHC của Văn phòng chính phủ; đồng thời, từ ngày 29/5/2026 thực hiện cắt chuyển đóng Cổng dịch vụ công quốc gia tại Văn phòng chính phủ và thực hiện Cổng DVC quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (Bộ Công an) chưa có chức năng thống kê báo cáo dẫn tới tình chưa lấy được số liệu từ thời điểm 01/01/2026 đến nay. Đây cũng chính là điểm nghẽn chung áp lực lên khối lượng công việc của cán bộ, công chức tổng hợp số liệu về TTHC tại các Trung tâm phục vụ hành chính công các địa phương.

1.2. Về kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ (tổng hợp từ ngày 01/7/2025 đến ngày 09/6/2026)

- Toàn tỉnh tiếp nhận mới là 1.340.317 hồ sơ. Đã giải quyết xong 1.307.301 hồ sơ, gồm 1.287.908 hồ sơ đúng hạn và trước hạn (đạt tỷ lệ 98,52 %) và 19.393 hồ sơ quá hạn (chiếm 1,48%). Số lượng hồ sơ đang giải quyết là 33.016 hồ sơ (trong đó 30.058 hồ sơ trong hạn, 2.958 hồ sơ quá hạn).

- Theo từng cấp hành chính:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (kết quả giải quyết của các sở, ban, ngành): Tổng số tiếp nhận mới là 317.611 hồ sơ. Đã giải quyết xong 296.476 hồ sơ, gồm 296.116 hồ sơ đúng hạn và trước hạn (đạt tỷ lệ 98,88 %) và 3.360 hồ sơ quá hạn (chiếm 1,12 %). Số lượng hồ sơ đang giải quyết là 18.135 hồ sơ (trong đó 17.807 hồ sơ trong hạn, 328 hồ sơ quá hạn);

+ Tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: Tổng số tiếp nhận mới đạt 1.022.706 hồ sơ. Đã giải quyết xong 1.007.825 hồ sơ, gồm 991.792 hồ sơ đúng và trước hạn (đạt tỷ lệ 98.41%) và 16.033 hồ sơ quá hạn (chiếm 1.59 %). Hiện còn 14.881 hồ sơ đang trong quá trình giải quyết (trong đó 12.251 hồ sơ trong hạn, 2.630 hồ sơ quá hạn).

1.3. Kết quả thực hiện theo Bộ Chỉ số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp; cung cấp DVCTT phi địa giới hành chính; việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu

- Đối với công tác cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ khối doanh nghiệp, toàn tỉnh hiện đang duy trì và cung cấp TTHC liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp.

Theo số liệu ghi nhận trên CSDL TTHC trên Cổng DVC Quốc gia tại Văn phòng chính phủ: đến ngày 18/12/2025 tỉnh Nghệ An thực hiện cung cấp 1181 DVC trực tuyến liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp. Tuy nhiên từ 01/01/2026 việc công bố, cung cấp DVC trực tuyến thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành trên CSDL TTHC tại Văn phòng chính phủ đồng thời từ ngày 29/5/2026 thực hiện cắt chuyển đóng Cổng dịch vụ công quốc gia tại Văn phòng chính phủ và thực hiện Cổng DVC quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia chưa có chức năng thống kê báo cáo dẫn tới tình chưa lấy được số liệu từ thời điểm 01/01/2026 đến nay.

- Về công tác liên thông và tái sử dụng dữ liệu, tỉnh đang tập trung triển khai thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông cốt lõi bao gồm: (1) Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; (2) Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Đối với TTHC do các cơ quan Trung ương ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: Tỉnh đã triển khai cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu đối với các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành.

Đối với việc tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ để giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp của các Bộ, ngành đã phê duyệt phương án tái cấu trúc TTHC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành cấp tỉnh thường xuyên tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng đơn giản, thuận lợi, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ để giải quyết TTHC; công bố, công khai trên Cổng Thông tin điện tử và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công danh mục thành phần hồ sơ đã được thay thế bằng dữ liệu điện tử, kèm theo hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để người dân, doanh nghiệp biết và giám sát việc thực hiện.

- Về thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính:

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP, Công điện số 187/CD-TTg ngày 04/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm soát chặt chẽ, tập trung cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh và thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính, Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 16/4/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, Công văn số 10689/UBND-KSTT ngày 08/10/2025 về triển khai Công điện số 187/CD-TTg, 100% TTHC của tỉnh được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC không phân biệt cấp chính quyền, địa giới hành chính nơi cư trú, nơi đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, các Sở, ban, ngành đã thực hiện lồng ghép tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính cho tổ chức, cá nhân.

1.4. Về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, thay đổi dần nhận thức về đơn giản hoá, không chỉ là (i) cắt giảm thủ tục, cắt giảm thời gian giải quyết một cách cơ học mà cắt giảm, đơn giản hoá được thể hiện một trong các hoạt động sau: (ii) phát hiện, tìm ra những quy định không còn phù hợp, không cần thiết (về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, hoặc trong chính quá trình sử dụng, trải nghiệm của công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công đã cung cấp...) để kiến nghị trong Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính; (iii) tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính để đơn giản hoá thủ tục hành chính; (iv) thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong địa bàn cấp tỉnh; (v) cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; (vi) xử lý các vướng mắc, khó khăn (do việc kết nối, liên thông các hệ thống, phần mềm giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Bộ, Ngành, Hệ thống phần mềm chuyên ngành về đăng ký kinh doanh, Thuế, Kho bạc,...) dẫn đến phức tạp trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính để đơn giản hoá quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính⁴.

- Năm 2025, trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành, địa phương, hoạt động rà soát, đơn giản hoá TTHC đã đạt được những kết quả quan trọng, Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 phê duyệt phương án đơn giản hóa cho 73 TTHC của một số lĩnh vực như đăng ký kinh doanh, khoáng sản, môi trường, kiến trúc, hoạt động

⁴ Công văn số 14562/UBND-KSTT ngày 26/12/2025 về việc triển khai các giải pháp khắc các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Bên cạnh đó, Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh có các kiến nghị, đề xuất gửi các Bộ, Ngành và được Bộ, Ngành trả lời, hướng dẫn như: Công văn số 4692/CT-NVT ngày 27/10/2025 về việc thực hiện trả lời phản ánh, kiến nghị của các địa phương theo yêu cầu tại Báo cáo số 9534/BC-VPCP

xây dựng... với tỷ lệ thời gian cắt giảm trung bình đạt 35% và chi phí tiết kiệm được khoảng 17%. Việc thực thi đã được 10/10 Sở, ngành đã hoàn thành các phương án đơn giản hóa đã đề ra.

Trên cơ sở các quyết định công bố TTHC của các Bộ, ngành, trong quá trình tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đã chủ động rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường... Đến nay, tỉnh đã cắt giảm về thời gian giải quyết tại 02 cơ quan là Sở Xây dựng với 03 TTHC, tỷ lệ cắt giảm 20% và Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An với 22 TTHC, tỷ lệ cắt giảm trung bình 40%, trong đó có nhiều TTHC cắt giảm 50% thời gian giải quyết so với quy định.

- Năm 2026, các Sở, ngành đang rà soát, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh các phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC và đã có một số kết quả như: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình Quyết định phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực Báo chí, Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, với tỷ lệ cắt giảm thời gian 20%, tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ 24,59%.

Bên cạnh đó, thực hiện Công văn số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, 08 Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh⁵, Công văn số 3803/VPCP-KTTH ngày 29/4/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc nghiên cứu báo cáo của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4835/UBND-KSTT ngày 06/5/2026 về việc triển khai các Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh, theo đó đã giao các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng nội dung phân cấp, cắt giảm,

⁵ 08 Nghị quyết ngày 29/4/2026 của Chính phủ gồm:

- (1) Số 17/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- (2) Số 18/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- (3) Số 19/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;
- (4) Số 20/2026/NQ-CP về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- (5) Số 21/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, TTHC và phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực y tế;
- (6) Số 22/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;
- (7) Số 23/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (8) Số 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc các lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

đơn giản hóa và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo việc giải quyết liên tục, thông suốt, không để xảy ra gián đoạn. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để được hướng dẫn, giải quyết hoặc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

Đối với cắt giảm dựa trên dữ liệu: Thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường thống kê, rà soát số liệu TTHC thuộc phạm vi quản lý. Qua rà soát, thống kê, tỉnh Nghệ An có 08 thủ tục hành chính đặc thù do địa phương ban hành hoặc được giao quy định chi tiết hoặc để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền. Đối chiếu với Danh sách các Cơ sở dữ liệu ngành đã được công bố thông tin tại Phụ lục II của Công văn số 3938/BTP-KSTT ngày 05/6/2026 của Bộ Tư pháp, hiện có 01 thủ tục hành chính cấp xã có thành phần hồ sơ được tái sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đào tạo thay vì yêu cầu người dân, doanh nghiệp xuất trình, nộp thành phần hồ sơ⁶.

1.5. Tình hình triển khai thực hiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung

- Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 07/02/2026 của Chính phủ; Công văn số 8245/BKHCN-TCNTT ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung, từ ngày 01/01/2026, đến nay có 09 bộ (bao gồm Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Xây dựng; Bộ Tư Pháp; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình mới - tập trung thống nhất từ Bộ, ngành xuống tỉnh và phường, xã. UBND tỉnh đã chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành triển khai tham gia các lớp tập huấn, cung cấp tài khoản cán bộ, thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC trên các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành. Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ toàn tỉnh được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết Bộ, ngành (Các Bộ: Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Nội vụ; Tư pháp, Khoa học và Công nghệ) như sau: Tổng hồ sơ tiếp nhận: 59.322 hồ sơ (hồ sơ trực tuyến: 56.097 hồ sơ (chiếm 94,56%); hồ sơ trực tiếp: 3.225 hồ sơ (chiếm 5,43%); Số hồ sơ đã, đang giải quyết đúng hạn và sớm hạn: 55.968 hồ sơ (chiếm 94,34%); Số hồ sơ đã giải quyết quá hạn: 3.354

⁶ Báo cáo số 485/BC-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh

hồ sơ (chiếm 5,66%);

- Thực hiện các nghiệp vụ để triển khai Hệ thống thông tin giải quyết tập trung của Bộ, ngành và tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia

Vào lúc 9 giờ 00 phút ngày **29/5/2026** theo ghi nhận trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu TTHC (csdlthc.dichvucong.gov.vn) **tỉnh Nghệ An đã hoàn thành** kiểm thử công khai **08/08 DVC** đặc thù của địa phương đảm bảo điều hướng về hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh Nghệ An đã chỉ đạo các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan tập trung nguồn lực, phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia trong thời gian ngắn giải quyết số lượng lớn các công việc: (i) hoàn thành việc rà soát, tích hợp, kết nối và kiểm thử đầy đủ các luồng nghiệp vụ trên môi trường chính thức; bảo đảm tiếp nhận hồ sơ, bổ sung hồ sơ, cập nhật trạng thái xử lý, đồng bộ kết quả giải quyết, thanh toán trực tuyến và các chức năng liên quan được thực hiện thông suốt, ổn định, không để ảnh hưởng đến tiến độ chung; tổ chức đồng bộ dữ liệu hồ sơ, nhất là các hồ sơ đang trong quá trình giải quyết, theo lộ trình hằng ngày, không để dồn vào một thời điểm để bảo đảm người dân, doanh nghiệp có thể tiếp tục tra cứu, theo dõi, không bị gián đoạn, đồng thời theo dõi chặt chẽ việc tiếp nhận, xử lý, đồng bộ trạng thái, thanh toán trực tuyến và trả kết quả, kịp thời phát hiện, khắc phục ngay các lỗi phát sinh. (ii) Đã rà soát, hoàn thành việc thiết lập đơn vị, cấp tài khoản, phân quyền đầy đủ cho cán bộ tham gia tiếp nhận, xử lý, theo dõi hồ sơ trên các hệ thống CSDL TTHC; Hệ thống điều phối giải quyết TTHC bảo đảm đầy đủ, đúng chức năng, nhiệm vụ. (iii) Đã rà soát, cung cấp, tổng hợp đầy đủ thông tin tài khoản thanh toán trực tuyến của các cơ quan, đơn vị, địa phương và hoàn thành cấu hình đầy đủ tài khoản cho 13 Sở, ngành và 130 xã, phường lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu TTHC (csdlthc.dichvucong.gov.vn) phục vụ thanh toán trực tuyến; sẵn sàng các điều kiện kết nối giữa hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng DVC quốc gia đảm bảo thanh toán trực tuyến được thông suốt. (iv) Bố trí đầu mối lãnh đạo, đầu mối nghiệp vụ, đầu mối kỹ thuật để thường xuyên theo dõi tình hình vận hành, kịp thời tiếp nhận, xử lý hoặc phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh. Tham gia ứng trực, phối hợp xử lý trong suốt quá trình rà soát, kiểm thử, chuyển đổi và vận hành hệ thống theo thông báo của Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12), Bộ Công an cho đến khi Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ, cấp tỉnh hoàn thành kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia và vận hành ổn định

(Phụ lục V kèm theo)

2. Về hạ tầng, kiến trúc số

Đến nay, tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về phát triển

kiến trúc, hạ tầng số và hạ tầng viễn thông, đạt nhiều kết quả tích cực:

2.1. Công tác khắc phục hậu quả các cơn bão năm 2025 được chỉ đạo quyết liệt, gắn với chỉnh trang hạ tầng viễn thông nhằm bảo đảm an toàn, mỹ quan và phục vụ tốt nhu cầu của Nhân dân trong dịp lễ, Tết. Sau tháng cao điểm triển khai, toàn tỉnh đã thực hiện chỉnh trang, sắp xếp **trên 250 km** cáp viễn thông, cơ bản xử lý các điểm mất an toàn, mất mỹ quan và các điểm nóng do ảnh hưởng của bão gây ra. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai Kế hoạch chỉnh trang mạng cáp viễn thông giai đoạn 2025 - 2026, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch của UBND tỉnh đề ra.

2.2. Công tác phát triển hạ tầng viễn thông số tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Tỉnh đã hoàn thành rà soát các vùng lõm sóng trên địa bàn theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, làm cơ sở xây dựng phương án đầu tư mở rộng vùng phủ sóng. Các doanh nghiệp viễn thông đã phát triển bổ sung các trạm BTS 5G dạng cột tự đứng thân thiện với môi trường (cột Pole) theo quy hoạch được phê duyệt, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng kết nối số.

Đặc biệt, việc triển khai Kế hoạch phát triển mạng 5G và IoT trong các khu công nghiệp đạt kết quả nổi bật với tổng số **217** trạm được đầu tư mới hoặc nâng cấp, gồm **47 trạm 3G/4G** được lắp đặt mới, **45 trạm 5G** được đầu tư mới và **125 trạm** được chuyển đổi từ công nghệ 3G/4G sang 5G. Kết quả này góp phần nâng cao năng lực hạ tầng số của tỉnh, mở rộng vùng phủ sóng băng rộng di động, tăng cường khả năng kết nối phục vụ sản xuất, kinh doanh, đồng thời tạo nền tảng quan trọng thúc đẩy CDS, phát triển kinh tế số và thu hút đầu tư trên địa bàn.

2.3. Đối với hạ tầng số cơ quan nhà nước⁷: Tỉnh đã triển khai gói thuê dịch vụ giai đoạn 2026 - 2028 để vận hành các nền tảng số dùng chung của tỉnh; hoàn thành rà soát hạ tầng số cấp xã, đề xuất phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc về hạ tầng; triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối từ cấp tỉnh đến cơ sở và kết nối với hệ thống Trung ương; hoàn thành đăng ký sử dụng hạ tầng tập trung tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để từng bước dịch chuyển các hệ thống thông tin của tỉnh; triển khai dự án đầu tư hiện đại hóa hệ thống hội nghị truyền hình đến 130/130 xã, phường; hoàn thành việc triển khai hạ tầng mạng Mật sẵn sàng

⁷ 1) Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước giai đoạn 2026-2028; (2) Trục liên thông văn bản LGSP; (3) Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, kết nối với hệ thống của Trung ương; tổ chức cấp phát thiết bị BML; khai báo tài khoản phục vụ triển khai Hệ thống quản lý hồ sơ và công việc Mật của Chính phủ; (4) Tổ chức rà soát hạ tầng số cấp xã để giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc về hạ tầng cho cấp xã; (5) Triển khai kế hoạch bảo đảm thông tin liên lạc cho công tác bầu cử, trong đó phối hợp với Trung tâm Tần số vô tuyến điện tổ chức rà quét tần số tại các điểm bầu cử trọng điểm; (6) Thẩm định kỹ thuật hệ thống đài truyền thanh thông minh cấp xã, bảo đảm cho các xã, phường kịp thời đầu tư, xây dựng và tuyên truyền trong dịp Tết Bình Ngo và tuyên truyền bầu cử; (7) Triển khai gói đầu tư nâng cấp toàn diện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; (8) Hoàn thành việc đăng ký sử dụng hạ tầng tập trung tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an để từng bước dịch chuyển các hệ thống thông tin của tỉnh lên Trung tâm dữ liệu quốc gia; (9) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Triển khai lắp đặt đường truyền số liệu quân sự cho 130 Ban CHQS xã, phường; cấp phát 260 bộ máy tính chuyên dụng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội sản xuất. Tổ chức tập huấn khai thác, sử dụng các phần mềm dùng chung trên hệ thống mạng truyền số liệu quân sự cho cán bộ 05 Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực, 130 Ban CHQS cấp xã.

triển khai dịch vụ...

Riêng lĩnh vực quân sự, quốc phòng, đã triển khai lắp đặt đường truyền số liệu quân sự cho **130** Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; cấp phát **260** bộ máy tính chuyên dụng; tổ chức tập huấn khai thác, sử dụng các phần mềm dùng chung cho cán bộ của **05** Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực và **130** Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, góp phần nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành trên môi trường số.

2.4. Tình duy trì an toàn thông tin cho hệ thống thông tin; **100%** hệ thống được phê duyệt và triển khai theo cấp độ an toàn thông tin. Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) được nâng cấp, mở rộng với **trên 14.000** thiết bị đầu cuối được cài đặt và kết nối với hệ thống giám sát của Trung ương; đồng thời thực hiện hướng dẫn vô hiệu hoá tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với cán bộ không còn thực hiện nhiệm vụ liên quan.

3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

- Về triển khai hệ thống quản lý văn bản, thông tin, điều hành: Tiếp tục duy trì và vận hành hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông bảo đảm vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ 01/7/2025 (hệ thống điều hành tác nghiệp của Đảng, hệ thống VNPT-iOffice).

- Về cấp chứng thư số chuyên dùng công vụ: Hoàn thành 100% cho các cán bộ công chức liên quan thực hiện công vụ.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Duy trì hệ thống LGSP kết nối với trực liên thông quốc gia NGSP/VDXP.

- Trang/cổng Thông tin điện tử (TTĐT): Duy trì Cổng TTĐT tỉnh tại địa chỉ nghean.gov.vn (thuê dịch vụ); đồng thời thuê tập trung và duy trì cổng TTĐT 100% sở, ban, ngành và UBND cấp xã.

- Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC): Đang vận hành thử nghiệm, hiện đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để vận hành chính thức.

- Tổng đài Dịch vụ hành chính công: Hoàn thành công bố đường dây nóng cho 100% Trung tâm dịch vụ hành chính công (báo cáo đầy đủ trên hệ thống giám sát kh02.nq57.vn).

- Các nền tảng, ứng dụng khác: Vận hành các hệ thống thông tin dùng chung khác theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Truyền số liệu chuyên dùng, Thư điện tử công vụ, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống quản lý đầu tư công, Hệ thống quản lý CBCCVC...

- Nền tảng VNeID tiếp tục được tỉnh truyền thông, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng hiệu quả, tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến...

Hiện tỉnh Nghệ An đang rà soát, xây dựng hệ thống các nền tảng số dùng chung theo Kế hoạch số 651/KH-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh về triển

khai, xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng dùng chung trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 về ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.

(Phụ lục VI kèm theo)

4. Về dữ liệu số

4.1. Tỉnh đã xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) các ngành theo Kế hoạch số 986/KH-UBND ngày 20/11/2025 về thực hiện Nghị quyết số 214-NQ/CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ CDS toàn diện trên địa bàn tỉnh, trong đó đã xây dựng **09/11** CSDL trọng điểm và nhiều CSDL chuyên ngành khác; **02/11** CSDL trọng điểm đang xin chủ trương và chờ hướng dẫn của Trung ương để triển khai thực hiện.

- Về cơ sở dữ liệu trọng điểm:

09/11 cơ sở dữ liệu trọng điểm đã được xây dựng, gồm: (1) CSDLQG về Đất đai⁸; (2) CSDLQG về Tài chính⁹; (3) CSDL chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo¹⁰; (4) CSDL chuyên ngành về Hộ tịch¹¹; (5) CSDL chuyên ngành Y tế¹²; (6) CSDL chuyên ngành Công thương¹³; (7) CSDLQG về Hoạt động xây dựng¹⁴; (8) CSDLQG về Xử lý vi phạm hành chính¹⁵; (9) CSDLQG về An sinh xã hội¹⁶.

⁸ CSDL Đất đai: Sở Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, trong đó tổng số thửa đất trong CSDL đất đai đã “đúng - đủ - sạch - sống”: 574.028 thửa đất. Kết quả tạo lập dữ liệu mới đối với Giấy chứng nhận nhà ở, đất ở đã cấp nhưng chưa xây dựng CSDL: 105.688 thửa đất, đồng bộ CSDL đất đai của địa phương về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương: 1.165.302 thửa. Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh đã thực hiện kết nối được với các hệ thống phần mềm: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (DVC) và Công Dịch vụ công quốc gia; kết nối với hệ thống phần mềm ngành Thuế; kết nối với CSDL đất đai tại Trung ương.

⁹ CSDL tài chính: Sở Tài chính đã phối hợp triển khai vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính theo chỉ đạo của Bộ Tài chính; đồng thời tiếp tục cập nhật, tích hợp và khai thác hiệu quả các dữ liệu phục vụ công tác quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn. Hệ thống đã ban hành văn bản 2947/STC-VP ngày 20/4/2026 gửi các đơn vị cử đầu mối thực hiện kết nối, kiểm tra việc chia sẻ dữ liệu với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh nhằm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương. Đồng thời, Sở Tài chính đã cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng của Bộ Tài chính nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả các ứng dụng chuyên ngành.

¹⁰ CSDL giáo dục và đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì: Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT (trong đó có quản lý học sinh từ lớp 1 đến lớp 12) đã hoàn thành và đã khai thác, quản lý, sử dụng. Việc triển khai hệ thống giúp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục và tạo nền tảng vững chắc cho việc theo dõi, đánh giá cho lãnh đạo các cấp đưa ra chính sách giáo dục phù hợp tại Nghệ An. Các bước triển khai đã hoàn tất đúng tiến độ, đảm bảo tính chính xác và bảo mật của dữ liệu học sinh, đồng thời tối ưu hóa quá trình quản lý giáo dục.

¹¹ CSDL tư pháp: Sở Tư pháp chủ trì đã hình thành và vận hành ổn định; dữ liệu được cập nhật đầy đủ (Quý 1/2026 đã cập nhật 18.925 khai sinh; 6.494 kết hôn; 5.775 khai tử), đáp ứng yêu cầu “đúng - đủ - sạch - sống”, phục vụ hiệu quả giải quyết TTHC. Sở Tư pháp đồng thời đã phối hợp rà soát, đề xuất tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính có liên quan; hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu trong trường hợp chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất, góp phần hoàn thiện và làm sạch dữ liệu hộ tịch

¹² CSDL y tế: Đã được phê duyệt chủ trương, bố trí vốn; Nhằm chuẩn bị nguồn dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", Sở Y tế đã chỉ đạo quyết liệt các bệnh viện rà soát, chuẩn hóa dữ liệu và đẩy mạnh số hóa quy trình. Đến nay, 100% (53/53) cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh đã được rà soát, thẩm định đủ điều kiện triển khai hồ sơ bệnh án điện tử (EMR). Đồng thời, 100% người bệnh đến khám đã được cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân vào hồ sơ bệnh án, tạo nền tảng dữ liệu sạch ngay từ khâu tiếp đón. Đã triển khai việc tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID. Hiện tại, 100% (534/534) cơ sở khám chữa bệnh BHYT đã liên thông dữ liệu, hình thành hơn 1,5 triệu hồ sơ sức khỏe điện tử có dữ liệu khám chữa bệnh được tích hợp thành công trên VneID. Các cơ sở y tế đã tích cực cấu hình và đẩy dữ liệu lên Cổng giám định BHYT để liên thông các chứng từ quan trọng phục vụ Đề án 06. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh đã có 139 cơ sở thực hiện liên thông Giấy chứng sinh và 26 cơ sở liên thông Giấy chứng tử. Đối với Hệ thống thu thập dữ liệu ngành Y tế và Cổng thông tin y tế số: Đây

02/11 CSDL trọng điểm đang triển khai và chờ triển khai gồm: (1) CSDL chuyên ngành Nông nghiệp¹⁷; (2) CSDLQG về Kiểm soát tài sản, thu nhập: Chưa triển khai tại địa phương do chưa có hướng dẫn cụ thể từ Thanh tra Chính phủ.

- Về các cơ sở dữ liệu các ngành khác:

CSDL về ngành KHCN (Sở KHCN chủ trì): Đã hoàn thành thử nghiệm, đang triển khai các thủ tục pháp lý để vận hành chính thức¹⁸; CSDL ngành Ngoại vụ đang thực hiện bước lập chủ trương đầu tư và lấy ý kiến thẩm định của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12) thuộc Bộ Công an theo quy định...

4.2. Cơ sở dữ liệu quốc gia tiếp tục được Công an tỉnh phát triển và duy trì cập nhật thường xuyên theo Đề án 06:

- Về số hóa dữ liệu và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa:

(1) Đã số hóa, cập nhật, làm giàu cơ sở dữ liệu đất đai với **1.743.118** dữ liệu hồ sơ quét, **2.838.316** dữ liệu không gian địa chính; hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu đã số hóa về Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ làm sạch với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

(2) **100%** dữ liệu hộ tịch đã được làm sạch, gồm **1.454.351** dữ liệu hộ tịch đăng ký mới và **2.179.921** dữ liệu hộ tịch cũ.

- Về các nhiệm vụ liên thông, kết nối phục vụ làm giàu dữ liệu:

(1) 205 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu giấy chứng sinh,

là 02 dự án nền tảng cốt lõi mang tính đột phá của ngành Y tế giai đoạn 2026-2027 nhằm hình thành kho dữ liệu tập trung (Data Lake). Hiện tại, Sở Y tế đang khẩn trương hoàn tất các thủ tục pháp lý để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng thuê tư vấn lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Sau khi tư vấn hoàn thiện kế hoạch, Sở sẽ đẩy nhanh các bước tiếp theo để sớm triển khai và đưa hệ thống vào vận hành chính thức.

¹³ CSDL công thương: Tính đến 20/5/2026, Hệ thống đã thu thập, chuẩn hóa và cập nhật nhiều lớp dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành với trên 15.000 điểm dữ liệu. Hiện nay, Sở đang tiếp tục phối hợp với VNPT Nghệ An và các phòng, đơn vị trực thuộc tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, làm giàu thêm cơ sở dữ liệu. Hệ thống được thiết kế theo hướng mở, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, tỉnh, địa phương và các đơn vị liên quan khi có yêu cầu, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và điều hành ngành Công Thương.

¹⁴ CSDL xây dựng: Hoàn thành rà soát, phân loại, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu ngành Xây dựng để kết nối, tích hợp, đồng bộ với các nền tảng số dùng chung của Bộ Xây dựng, gồm:

- 03 hợp phần chính: CSDL quy hoạch đô thị và nông thôn; CSDL dự án đầu tư, công trình xây dựng; CSDL đơn giá, định mức xây dựng.

- 09 CSDL chuyên ngành: CSDL đăng kiểm phương tiện; CSDL kết cấu hạ tầng đường bộ; CSDL kết cấu hạ tầng đường sắt; CSDL kết cấu hạ tầng đường hàng không; CSDL về tàu biển và thuyền viên hàng hải; CSDL về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng; CSDL về cấp nước sạch và thoát nước đô thị; CSDL về phát triển đô thị; Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

¹⁵ CSDL Xử lý vi phạm hành chính: Đang vận hành đồng bộ các hệ thống của Bộ Tài chính và phần mềm cấp tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành, nhưng chưa xác định hoàn thành toàn diện một hệ thống CSDL thống nhất cấp tỉnh.

¹⁶ CSDL về an sinh xã hội: Tính đến 31/3/2026, Sở Nội vụ đã số hóa 179.795 hồ sơ người hưởng chính sách ưu đãi Người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh trên phần mềm quản lý hồ sơ Người có công của tỉnh. Thực hiện chủ trương phê duyệt kinh phí cập nhật bổ sung dữ liệu số hóa hồ sơ người có công và thuê dịch vụ CNTT, Sở đã triển khai xây dựng dự toán, hiện nay mời thẩm định giá để xác định giá trần của đơn giá thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống quản lý hồ sơ Người có công giai đoạn 2026 – 2028. Đối với dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan Nhà nước tỉnh Nghệ An, Sở đã triển khai cập nhật 72.833 hồ sơ, đã đồng bộ lên CSDL quốc gia về CBCCVC của Bộ Nội vụ, đạt tỷ lệ đồng bộ 100%

¹⁷ CSDL Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì): Sở NNMT đang trình thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ.

¹⁸ <https://csdlkhcn.nghean.gov.vn>

giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe lên Công tiếp nhận Hệ thống thông tin giám định BHYT, cấp thành công **492.175** hồ sơ;

(2) **53/53** bệnh viện đã triển khai bệnh án điện tử;

(3) CSDL học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 của tỉnh đã tích hợp với CSDL của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Các cơ quan Đảng tiếp tục triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, quy trình nghiệp vụ nhằm giảm từ 30-50% chi phí văn phòng phẩm, in ấn, gửi nhận văn bản; đang quyết liệt triển khai đợt cao điểm về số hóa hồ sơ đảng viên.

(Phụ lục VII kèm theo)

5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

Năm 2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 về việc giao chỉ tiêu và cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức năm 2025 giao Sở Khoa học Công nghệ chủ trì tổ chức 26 lớp; Sở Nội vụ 01 lớp về đào tạo bồi dưỡng liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Đối với lĩnh vực Nội vụ: Tổ chức 01 lớp tập huấn cho 120 công chức, viên chức trong toàn ngành về ứng dụng công nghệ AI vào chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng ngành Nội vụ năm 2025

Năm 2026, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 11/3/2026 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Nghệ An năm 2026; các ban, sở ngành liên quan đang đẩy mạnh xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn cho khoảng **31.490** lượt CBCCVC về KHCN, ĐMST và CDS.

Về xây dựng, triển khai cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ các nhà khoa học, chuyên gia, người có tài năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh: Sở Nội vụ đã dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, thực hiện Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Trung ương, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy tạm thời chưa xây dựng¹⁹.

Xác định nhân lực là then chốt trong thực hiện các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS, tỉnh đã triển khai nhiều đợt tập huấn quan trọng, nhất là việc trang

¹⁹ Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, trong đó có nhiều nội dung chỉ đạo mới về cơ chế tuyển dụng, cơ chế bố trí, sử dụng và cơ chế đãi ngộ và giao “Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo sửa đổi, ban hành văn bản có liên quan để thực hiện Kết luận này, kịp thời cụ thể hoá danh mục các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng điểm, quan trọng cần đến nguồn nhân lực xuất sắc, tiêu chí phát hiện, tuyển chọn, đánh giá và các chính sách đãi ngộ đối với các nhóm cán bộ, công chức tài năng”. Vì vậy, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý chủ trương tạm thời chưa xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Nghệ An, đồng thời đề nghị HĐND tỉnh đưa nội dung xây dựng Nghị quyết nêu trên ra khỏi danh mục các Nghị quyết ban hành trong năm 2025.

bị kiến thức, kỹ năng về CDS phục vụ chính quyền địa phương hai cấp. Để thuận tiện trong việc tra cứu, tham khảo, tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Sổ tay CDS cấp xã, phiên bản 1.0 bao gồm các nội dung căn bản, cấp bách và cần thiết nhất. Tính đến thời điểm hiện tại, **100%** CBCC làm công tác KHCN, CDS cấp xã đã được tập huấn đầy đủ về CDS; hầu hết CBCC cấp tỉnh, cấp xã đã được trang bị kiến thức cơ bản về AI do tỉnh tổ chức để hỗ trợ công việc.

Ngay sau khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Nghệ An đã tổ chức tập huấn sử dụng **05** hệ thống thông tin quan trọng cho **400** cán bộ cấp xã. Tổ chức khóa tập huấn chuyên sâu **10 ngày cho 130** cán bộ công nghệ thông tin cấp xã. Tổ chức tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công việc và các chuyên đề liên quan đến CDS. Nội dung tập huấn tập trung vào nâng cao kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin, xử lý hồ sơ điện tử, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và quản lý điều hành; góp phần từng bước nâng cao năng lực số, kỹ năng nghiệp vụ hành chính trên môi trường điện tử cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho CBCCVC và người dân tiếp tục được tỉnh Nghệ An quan tâm triển khai đồng bộ gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình số 02 của Ban Chỉ đạo Trung ương. So với đầu năm 2025 và đầu năm 2026, nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và CDS của đội ngũ CBCCVC có chuyển biến tích cực; nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin và quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Trong 5 tháng đầu năm 2026, tỉnh tiếp tục duy trì hoạt động đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, an toàn thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, khai thác CSDL và vận hành các nền tảng dùng chung cho CBCCVC các cấp; đồng thời tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và phong trào “Bình dân học vụ số”. Việc triển khai các nền tảng số tại cấp xã đã góp phần nâng cao kỹ năng thực hành số của cán bộ cơ sở; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cấp xã đạt 99,24%, phản ánh bước đầu hiệu quả của công tác hướng dẫn, hỗ trợ và tổ chức thực hiện tại cơ sở.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức tập huấn cán bộ Thông tin, CNTT năm 2026 (32 đồng chí); tập huấn khai thác, sử dụng các phần mềm dùng chung trên mạng truyền số liệu quân sự cho Ban CHQS cấp xã (265 đồng chí)

Công an tỉnh tiếp tục tập trung đẩy mạnh đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ tham gia, hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức CDS trên các nền tảng trực tuyến; tổ chức cho 100% chỉ huy tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức CDS trên nền tảng MobiEdu dành cho đối tượng 3. Hoàn thành việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CDS trên nền tảng MobiEdu dành cho đối tượng 3, đối tượng 4, **sớm hơn 02 tháng** so với kế hoạch của Bộ Công an, với **6.376** học viên tham gia; tổ chức cho hơn 2.800 đảng viên trong Công an tỉnh tham gia kiểm tra, đánh giá kết

quả nhận thức của đảng viên về Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trên nền tảng Bình dân học vụ số; tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ AI; an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cho Công an các đơn vị, địa phương. Phối hợp với Học viện Cảnh sát nhân dân và các Cục nghiệp vụ Bộ Công an tổ chức lễ khai trương phòng học trực tuyến trên mạng BCAnet Bộ Công an, là đơn vị ***Công an địa phương đầu tiên trên cả nước triển khai nội dung này.***

(Phụ lục VIII kèm theo)

6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

1.6.1. Về phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số

Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh năm 2025 đạt 8,4%, đứng thứ 10/34 tỉnh, thành phố; năm 2026 phấn đấu đạt 10%. Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GRDP phấn đấu đạt 17,5%. Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2020-2025 đạt 40%, phấn đấu năm 2026 sẽ đạt 45%.

Khu vực chính quyền: Cơ bản đã phát triển các nền tảng số phục vụ điều hành phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Triển khai các nền tảng do các Bộ, ngành Trung ương xây dựng. Ngành Công thương của tỉnh đã ra mắt Hệ thống quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu số trên nền tảng bản đồ GIS, với hơn **150 lớp** dữ liệu chuyên ngành. Toàn bộ thông tin về cụm công nghiệp, chợ, siêu thị, doanh nghiệp, hạ tầng năng lượng... đều được số hóa, gắn với vị trí địa lý và sẽ được cập nhật thường xuyên, góp phần hình thành dữ liệu theo thời gian thực tạo nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Khu vực doanh nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ (trên 90%), việc ứng dụng các nền tảng số vào quản lý, sản xuất kinh doanh cũng đang hạn chế, nhất là khu vực nông thôn.

Để tạo nền tảng phát triển kinh tế số, tỉnh đã triển khai chiến dịch tuyên truyền, hỗ trợ hộ kinh doanh khi thực hiện chủ trương xóa bỏ thuế khoán từ ngày 01/01/2026²⁰ và tập trung thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Các sở, ngành, địa phương đã phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh chuyển sang phương thức kê khai thuế, sử dụng eTax Mobile, hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; đồng thời hỗ trợ phát triển các giải pháp số phục vụ quản lý, kinh doanh, tăng cường hạ tầng viễn thông và đẩy mạnh truyền thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh thích ứng với các quy định mới. Yêu cầu các doanh nghiệp công nghệ thông tin, các nhà cung cấp dịch vụ nghiên cứu phát triển các ứng dụng điện tử liên quan đến hóa đơn, quản lý bán hàng, quản trị kinh doanh đơn giản, trực quan, ít thao tác, dễ sử dụng để phù hợp với kỹ năng

²⁰ UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 11393/UBND-KT

về công nghệ thông tin của đa phần hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp, hợp tác xã đã tích cực đưa sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử và đẩy mạnh quảng bá truy xuất nguồn gốc gắn với áp dụng tem truy xuất nguồn gốc.

1.6.2. Về xã hội số

Phong trào “Bình dân học vụ số” tiếp tục được đẩy mạnh lan tỏa trong toàn tỉnh; đồng thời duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá thôn, bản là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp.

Toàn tỉnh tiếp tục duy trì và phát huy hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng ở cơ sở: **100%** xã, phường đã kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng với **1.758** thành viên. Có **3.718** Tổ công nghệ số cấp thôn, bản với **18.523** thành viên. Thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại cấp xã với **2.063** thành viên.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Kết quả nổi bật về đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Sau 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có những chuyển biến tích cực, từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lấy trường đại học làm hạt nhân tri thức và Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, điều phối.

- Tỉnh đã tập trung hoàn thiện thể chế và cơ chế chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 với nhiều cơ chế mới về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển thị trường khoa học công nghệ. Đây là bước chuyển quan trọng từ hỗ trợ hoạt động sang hỗ trợ tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp và giá trị gia tăng.

- Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp tục được củng cố và phát triển. Hoạt động Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Nghệ An (Techfest Nghệ An) được duy trì thường niên, tạo môi trường kết nối giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, chuyên gia và các dự án khởi nghiệp. Nhiều dự án khởi nghiệp trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, giáo dục, du lịch và công nghệ thông tin đã được hỗ trợ hoàn thiện mô hình kinh doanh và kết nối thị trường.

- Tỉnh đã triển khai xây dựng Đề án phát triển Nghệ An trở thành Trung

tâm đổi mới sáng tạo theo mô hình liên kết “Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp”. Mô hình này được xây dựng trên cơ sở tận dụng nguồn lực sẵn có của các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước, không đầu tư dàn trải, không phát sinh bộ máy mới. Đại học Vinh được xác định là hạt nhân tri thức, từng bước hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo của tỉnh và mạng lưới các điểm đổi mới sáng tạo vệ tinh trên địa bàn.

- Cơ chế đặt hàng nghiên cứu và giải quyết bài toán thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp bước đầu được hình thành. Tỉnh đang xây dựng cơ chế công bố công khai “Danh mục bài toán đổi mới sáng tạo tỉnh Nghệ An”, qua đó kết nối nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và địa phương với năng lực nghiên cứu của các trường đại học, viện nghiên cứu và cộng đồng chuyên gia. Đây là bước chuyển từ tư duy hỗ trợ nghiên cứu sang tư duy đặt hàng giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp được đẩy mạnh. Nhiều doanh nghiệp đã được tư vấn đánh giá trình độ công nghệ, hỗ trợ tiếp cận các chương trình đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số. Nhận thức của doanh nghiệp về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh đã được cải thiện rõ rệt.

- Chính sách Hỗ trợ phát triển KH&CN, ĐMST&CDS tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 Dự thảo Nghị quyết gồm 23 chính sách, trong đó có 16 chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa²¹. Dự kiến tháng 7/2026 Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ triển khai tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp về các chính sách nói trên bắt đầu từ Quý III/2026.

- Năm 2025, Nghệ An có 550 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, gồm 506 đơn nhãn hiệu, 12 đơn kiểu dáng công nghiệp, 16 đơn giải pháp hữu ích và 16 đơn sáng chế. Trong năm có 458 đối tượng được cấp văn bằng bảo hộ, gồm 431 nhãn hiệu, 18 kiểu dáng công nghiệp, 06 giải pháp hữu ích và 03 sáng chế.

²¹ Tại Dự thảo Nghị quyết Điều 5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, gồm 4 chính sách: (i) Hỗ trợ xác lập quyền SHCN&SHTT; (ii) Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu; (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; (iv) Hỗ trợ các dự án thí điểm (pilot project) xây dựng công trình sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế; Điều 6: Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, gồm 7 chính sách: (i) Hỗ trợ tổ chức chuỗi sự kiện ngày hội KNST hàng năm; (ii) Hỗ trợ cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo; (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (iv) Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp NNCNC; (v) Hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (vi) Hỗ trợ Giải thưởng KH&CN cấp Nhà nước; (vii) Chính sách xét tặng Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An; Điều 7: Hỗ trợ về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, gồm 5 chính sách: (i) Hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; (ii) Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất và chương trình đảm bảo đo lường; (iii) Hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; (iv) Hỗ trợ đạt Giải thưởng Chất lượng trong và ngoài nước; (v) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Lũy kế đến hết năm 2025, Nghệ An có 5.018 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, gồm 4.663 nhãn hiệu, 190 kiểu dáng công nghiệp, 85 giải pháp hữu ích và 80 sáng chế; có 2.707 đối tượng được cấp văn bằng bảo hộ, gồm 2.527 nhãn hiệu, 118 kiểu dáng công nghiệp, 45 giải pháp hữu ích và 17 sáng chế. Hiện Nghệ An có 36 nhãn hiệu tập thể, 15 nhãn hiệu chứng nhận và 02 chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là “Vinh” cho sản phẩm cam quýt và “Kỳ Sơn” cho sản phẩm “Gừng củ”.

- Về thực hiện các chỉ tiêu phát triển sáng chế, trong năm 2025 có 12 đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích được nộp và 07 văn bằng bảo hộ được cấp. Kết quả này cơ bản phù hợp với mục tiêu phát triển tài sản trí tuệ và tốc độ tăng trưởng theo định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Về thương mại hóa sáng chế, qua khảo sát các tổ chức, cá nhân sở hữu sáng chế và giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh, năm 2025 có 32 sáng chế/giải pháp hữu ích được khai thác thương mại. Hoạt động khai thác chủ yếu dưới hình thức tự khai thác (29 trường hợp) và sử dụng sáng chế để khởi nghiệp, hình thành doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (17 trường hợp). Có 39 lượt khai thác trong nước và chưa phát sinh hoạt động khai thác tại thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, việc chuyển hóa tài sản trí tuệ thành tài sản kinh tế còn hạn chế; chưa phát sinh hoạt động chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu, góp vốn bằng tài sản trí tuệ, gọi vốn đầu tư hoặc giao dịch trên sàn công nghệ. Điều này cho thấy thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ trong thời gian tới.

2. Tác động và kết quả thực chất

So với thời điểm đầu năm 2025, hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh đã chuyển từ giai đoạn thúc đẩy phong trào sang từng bước hình thành cơ chế vận hành hệ sinh thái. Mối liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp được tăng cường; các trường đại học bắt đầu tham gia sâu hơn vào giải quyết các bài toán phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mô hình hợp tác “3 Nhà” đang từng bước hình thành cơ chế đồng hành từ khâu xác định nhu cầu, nghiên cứu, thử nghiệm đến chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đây được xem là nền tảng quan trọng để Nghệ An phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo hướng thực chất, tạo động lực mới cho tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tồn tại, hạn chế

Hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh vẫn còn một số khó khăn như: quy mô doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn; nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ còn hạn chế; số lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn ít; thiếu các quỹ đầu tư mạo hiểm và các tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo; liên kết giữa nghiên

cứu và sản xuất kinh doanh chưa thực sự chặt chẽ.

4. Định hướng thời gian tới

Tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo; sớm triển khai mô hình Trung tâm Đổi mới sáng tạo Nghệ An theo mô hình liên kết 3 Nhà; hình thành cơ chế đặt hàng nghiên cứu từ doanh nghiệp và địa phương; thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh để tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới.

V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. *Kinh phí năm 2025*: Tổng số tiền được bố trí năm 2025 theo kế hoạch là 120.831.000.000 (Một trăm hai mươi tỷ, tám trăm ba mươi một triệu đồng). Tỷ lệ bố trí so với tổng chi ngân sách tỉnh: 0,63%.

2. *Kinh phí năm 2026*: Đến thời điểm báo cáo, dự toán chi NSNN ngành Khoa học và công nghệ với tổng kinh phí: 128,378 tỷ đồng. Đối với ngân sách Trung ương: hiện Sở KHCN thực hiện theo quy trình báo cáo Bộ KHCN xem xét, quyết định.

Tổng chi NS cho KHCN ĐMST CDS 2026 toàn tỉnh là 432 tỷ đồng. (Trong đó có: Tỉnh 402 tỷ (Thường xuyên: 371 tỷ đồng, Đầu tư: 30 tỷ đồng, Xã, phường: 31 tỷ đồng). Tỷ lệ bố trí so với tổng chi ngân sách tỉnh đạt 1,08% (432 tỷ đồng/ 40.062 tỷ đồng).

(Phụ lục XII kèm theo)

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

Năm 2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 753/KH-UBND ngày 11/9/2025 về hợp tác quốc tế về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Nghệ An.

Theo đó, năm 2026, Sở Ngoại vụ đã xây dựng và triển khai Chương trình hoạt động đối ngoại tỉnh Nghệ An năm 2026, trong đó đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, tiếp tục củng cố, làm sâu sắc hơn các khuôn khổ hợp tác, gắn kết chặt chẽ quan hệ chính trị, đối ngoại gắn với hợp tác khoa học công nghệ giữa tỉnh Nghệ An với các địa phương, đối tác nước ngoài. Tăng cường quan hệ với Đại sứ quán các nước, các tổ chức và cơ quan quốc tế, Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài... để quảng bá, giới thiệu các giá trị văn hoá địa phương, sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ra quốc tế, nghiên cứu ký kết hợp tác với các đối tác nhằm thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao, các ngành khoa học và công nghệ.

Tỉnh đã thực hiện lồng ghép các nội dung về hợp tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các tiếp xúc đối ngoại và trao đổi đoàn giữa tỉnh Nghệ An và các đối tác, địa phương nước ngoài. Điển hình như:

- Trong khuôn khổ chuyến công tác của tỉnh Nghệ An tham gia Chương trình quảng bá địa phương tại Hàn Quốc và Trung Quốc năm 2025 do Bộ Ngoại giao tổ chức, Sở Ngoại vụ đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với Hội đồng doanh nghiệp Việt - Trung (VCBC), trong đó có nội dung thúc đẩy các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ như công nghiệp sản xuất và chế tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và công nghệ xanh, công nghệ bán dẫn và tính toán hiệu năng cao, công nghệ sinh học tổng hợp, công nghệ đại dương, trí tuệ nhân tạo thế hệ mới và nông nghiệp công nghệ cao... giữa tỉnh Nghệ An với các doanh nghiệp Trung Quốc.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức đón tiếp và làm việc với Chủ tịch Quỹ Pavo Capital Group khảo sát hợp tác đầu tư trên các lĩnh vực: đầu tư hạ tầng xử lý ngập úng các đô thị, hạ tầng năng lượng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến lâm sản, nông sản; tài chính xanh, năng lượng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, thăm và làm với Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ; Tổ chức đón tiếp và làm việc với Tham tán Việt Nam tại Hàn Quốc cùng với doanh nghiệp Hàn Quốc đến tìm hiểu về môi trường đầu tư của tỉnh, nhu cầu, lĩnh vực thu hút, kêu gọi đầu tư từ Hàn Quốc, các dự án hạ tầng phục vụ cho ngành công nghiệp năng lượng LNG, các dự án điện gió, điện mặt trời; Tổ chức tiếp xúc giao Đoàn Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Indonesia tại Việt Nam; tại buổi làm việc, hai bên cùng trao đổi, thảo luận định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực then chốt như nông nghiệp, công nghiệp và công nghệ thông tin, đặc biệt là thúc đẩy phát triển hệ sinh thái lương thực, thực phẩm đạt tiêu chuẩn Halal.

- Tham mưu UBND tỉnh tham dự chương trình Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc (nhân chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao Hàn Quốc năm 2026), trong đó trao Bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh, SK Innovation và SK Telecom về phát triển Trung tâm Dữ liệu AI, tích hợp với Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện, tỉnh Nghệ An đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, tạo chuyển biến rõ nét từ nhận thức đến hành động trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Tỉnh đã ban hành 518 văn bản chỉ đạo, tổ chức 06 cuộc họp Ban Chỉ đạo, giao và theo dõi 271 nhiệm vụ, trong đó hoàn thành 163 nhiệm vụ. Các chỉ số cải cách hành chính tiếp tục được cải thiện, với SIPAS đạt 84,33% (xếp thứ 11/34 tỉnh, thành phố) và PAR INDEX đạt 88,15 điểm (xếp thứ 18/34).

Chuyển đổi số có bước phát triển mạnh mẽ. Toàn tỉnh triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến; tiếp nhận 1.340.317 hồ sơ, giải quyết 1.307.301 hồ sơ, trong

đó 98,52% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, khẳng định hiệu quả vận hành của hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. Cấp tỉnh đạt tỷ lệ giải quyết đúng hạn 98,88%, cấp xã đạt 98,41%, cho thấy mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bước đầu hoạt động ổn định, thông suốt. Hạ tầng số tiếp tục được đầu tư đồng bộ với 100% xã, phường có cáp quang, 99,97% dân số được phủ sóng 4G, 100% khu công nghiệp trọng điểm được phủ sóng 5G; tỉnh đang quản lý 10 hệ thống thông tin và hơn 11 cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đặc biệt, nhận thức, tư duy và hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có sự chuyển biến rõ nét trong toàn hệ thống chính trị. Nghị quyết số 57-NQ/TW từng bước đi vào thực tiễn, trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, ngành, địa phương; nhiều mô hình và nền tảng số mới được hình thành, góp phần thúc đẩy quản trị hiện đại, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu số, phục vụ ngày càng tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW vẫn một số hạn chế, điểm nghẽn. Nguồn lực đầu tư cho KHCN, ĐMST, CDS còn hạn chế; hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và trang thiết bị đầu cuối chưa được hoàn thiện đồng bộ. Công tác xây dựng, chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu ngành, số hóa hồ sơ còn chậm, tiềm ẩn nguy cơ cản trở tiến độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo lộ trình. Hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp chưa nhiều; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm trên 98%, hạn chế khả năng đầu tư, ứng dụng khoa học và công nghệ. Chưa ban hành được các chính sách đặc thù, đủ mạnh để thúc đẩy phát triển thị trường KHCN và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

Qua thực tiễn chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện cho thấy, để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW cần có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị; tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá với phương châm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm. Đồng thời, phải chủ động nhận diện và tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, dữ liệu, nhân lực và an toàn, an ninh mạng, trong đó dữ liệu dân cư là nền tảng cốt lõi cho xây dựng và kết nối các cơ sở dữ liệu. Cùng với đó, cần nâng cao chất lượng dự báo, bám sát thực tiễn để tham mưu giải pháp phù hợp, bảo đảm đầy đủ nguồn lực về con người, hạ tầng và công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Phần 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

I. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

Thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 14/02/2026 của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy về phát triển KHCN, ĐMST và CDS năm 2026, tỉnh Nghệ An đã ban hành **88** nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để tập trung chỉ đạo, triển khai trên phạm vi toàn tỉnh. Các nhiệm vụ được xây dựng theo hướng bám sát yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW, tập trung giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số, CCHC, nhân lực số và tổ chức bộ máy; đồng thời hướng tới tạo chuyển biến thực chất trong quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Điểm mới trong triển khai các nhiệm vụ đột phá là tỉnh đã chuyển từ tư duy triển khai riêng lẻ từng nhiệm vụ sang tổ chức thực hiện theo nhóm nhiệm vụ liên thông, có phân công rõ trách nhiệm, thời hạn, sản phẩm đầu ra và cơ chế theo dõi tiến độ trên môi trường số. Nhiều nhiệm vụ có tính nền tảng đang được tập trung triển khai như: xây dựng Đề án CDS tỉnh Nghệ An đến năm 2030; phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026 - 2030; triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; triển khai các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; xây dựng phần mềm đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với CBCCVC; triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị; các nhiệm vụ đột phá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội...

Quá trình triển khai các nhiệm vụ đột phá bước đầu đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, phương thức điều hành và tổ chức thực hiện tại các sở, ngành, địa phương; góp phần thúc đẩy CDS cấp xã, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và từng bước hình thành môi trường làm việc số trong cơ quan nhà nước. Đồng thời, việc giao nhiệm vụ theo hướng rõ người, rõ việc, rõ tiến độ và gắn trách nhiệm người đứng đầu đã góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và hiệu quả phối hợp trong triển khai thực hiện.

Một số mô hình tiêu biểu:

(Phụ lục IX kèm theo)

1. Mô hình: Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến

Vấn đề giải quyết:

Hiện đại hóa hệ thống hội nghị truyền hình từ tỉnh đến xã phục vụ cho 4 trực 3 cấp, giảm họp trực tiếp, đi lại... nâng cao chất lượng các cuộc họp.

Giải pháp thực hiện:

UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống đồng bộ.

Hạ tầng, nền tảng sử dụng:

Mạng truyền số liệu chuyên dùng; đầu tư hạ tầng thiết bị đầu cuối.

Kết quả định lượng:

Đang thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

Tác động:

Mô hình góp phần giảm thời gian tổ chức họp, nâng cao hiệu quả xử lý công việc, tăng khả năng theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ theo thời gian thực; từng bước hình thành môi trường làm việc số trong cơ quan nhà nước.

Bài học, khả năng nhân rộng:

Sau khi hoàn thành dự án cho khối chính quyền, triển khai mở rộng cho 03 khối còn lại.

Vai trò người đứng đầu:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai; thường xuyên họp, giao ban, kiểm tra tiến độ và tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Mô hình: Nâng cấp hạ tầng số phục vụ hoạt động của cơ quan cấp xã

Vấn đề giải quyết:

Sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều xã, phường còn thiếu hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ; đường truyền, thiết bị đầu cuối và hệ thống mạng chưa đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số.

Giải pháp thực hiện:

Tỉnh chỉ đạo rà soát tổng thể điều kiện hạ tầng số cấp xã; ưu tiên nâng cấp đường truyền Internet, mạng nội bộ, thiết bị CNTT và nền tảng dùng chung phục vụ điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và CDS tại cơ sở.

Hạ tầng, nền tảng sử dụng:

Triển khai trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, nền tảng dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Kết quả định lượng:

Đã hoàn thành việc rà soát tổng thể và đề xuất phương án đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ và các hạ tầng liên quan khác của cấp xã, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc về hạ tầng cấp xã (hiện UBND tỉnh đang giao Sở Tài chính xem xét, cân đối kinh phí để thực hiện).

Tác động:

Hạ tầng số được nâng cấp đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc tại cấp xã, giảm thời gian xử lý hồ sơ, hỗ trợ vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Bài học, khả năng nhân rộng:

Việc ưu tiên đầu tư hạ tầng số cho cấp cơ sở là điều kiện quan trọng để triển khai CDS đồng bộ. Tuy nhiên, cần tiếp tục bảo đảm nguồn lực đầu tư, nhân lực kỹ thuật và an toàn thông tin để vận hành ổn định, lâu dài.

Vai trò người đứng đầu:

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và người đứng đầu các địa phương trực tiếp chỉ đạo rà soát, nâng cấp hạ tầng số; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai tại cơ sở.

3. Mô hình: Đầu tư đồng bộ hệ thống camera giám sát cấp xã kết nối Trung tâm chỉ huy tỉnh

Vấn đề giải quyết:

Trong quá trình xây dựng chính quyền số và bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở, nhiều địa phương còn thiếu hệ thống giám sát tập trung, việc theo dõi tình hình an ninh, giao thông, trật tự đô thị và xử lý sự cố còn phân tán, chưa kết nối đồng bộ với hệ thống điều hành của tỉnh.

Giải pháp thực hiện:

Tỉnh triển khai đầu tư đồng bộ hệ thống camera giám sát tại cấp xã, ưu tiên các khu vực trung tâm hành chính, tuyến giao thông trọng điểm, khu vực công cộng và các điểm phức tạp về an ninh trật tự; đồng thời kết nối dữ liệu về Trung tâm chỉ huy, điều hành của tỉnh phục vụ giám sát, chỉ đạo và xử lý tình huống theo thời gian thực.

Hạ tầng, nền tảng sử dụng:

Sử dụng hạ tầng mạng truyền dẫn băng thông rộng, trung tâm dữ liệu, nền tảng giám sát tập trung và hệ thống điều hành thông minh của tỉnh; tích hợp với các hệ thống phục vụ an ninh, trật tự và CDS tại địa phương.

Kết quả bước đầu:

Một số địa phương đã triển khai hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý đô thị, an ninh trật tự và điều hành tại cơ sở; từng bước hình thành mạng lưới giám sát tập trung từ tỉnh đến cơ sở, hỗ trợ theo dõi tình hình, phát hiện và xử lý nhanh các sự việc phát sinh.

Tác động:

Mô hình góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, nâng cao khả năng giám sát, điều hành của chính quyền các cấp; đồng thời phục vụ xây dựng đô thị thông minh và chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

Bài học, khả năng nhân rộng:

Việc triển khai cần thực hiện đồng bộ giữa hạ tầng số, đường truyền, trung tâm điều hành và nhân lực vận hành. Đây là mô hình có khả năng nhân rộng cao,

tuy nhiên cần bảo đảm nguồn lực đầu tư, quy chế quản lý dữ liệu và an toàn, an ninh thông tin.

Vai trò người đứng đầu:

Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh và người đứng đầu các địa phương trực tiếp chỉ đạo triển khai, kiểm tra tiến độ đầu tư, kết nối và vận hành hệ thống.

(Phụ lục XIII kèm theo)

Phần 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

- Những nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, chương trình, kế hoạch đã được triển khai, hoàn thành về mặt thủ tục, báo cáo nhưng chưa tạo ra tác động thực tế.

Tổng hợp đến thời điểm hiện nay, tỉnh Nghệ An không tồn tại nội dung này.

- Những kết quả không được áp dụng, không mang lại giá trị gia tăng, hoặc chỉ dừng lại ở mức “có làm” chứ chưa “làm hiệu quả”.

Tổng hợp đến thời điểm hiện nay, tỉnh Nghệ An không tồn tại nội dung này.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng:

- Chưa hoàn thành ban hành Khung Kiến trúc dữ liệu, Kiến trúc quản trị, Từ điển dữ liệu (hiện đã chỉ đạo Sở KHCN phối hợp với các bên liên quan xây dựng, dự kiến hoàn thành dự thảo và xin ý kiến các cơ quan liên quan trong tháng 6/2026).

- Chưa xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển (hiện đã hoàn thành dự thảo và xin ý kiến các bên liên quan để ban hành trong tháng 6/2026).

- Chưa hoàn thành tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng; Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hoá).

2. Điểm nghẽn về thể chế: (ví dụ: văn bản còn chậm, muộn; nội dung còn chồng chéo, chưa rõ, chưa đủ cụ thể; quy định đã ban hành nhưng còn khó triển khai; những nội dung còn thiếu hướng dẫn hoặc thiếu điều kiện thực hiện).

Nguyên nhân chính; Trách nhiệm của các bên liên quan:

- Văn bản hướng dẫn thay đổi nhanh, các địa phương bị động trong việc tổ chức thực hiện, nhất là quy trình đầu tư quy định tại các nghị định của Chính phủ (NĐ 73, 82 về CNTT thay bằng NĐ 45; NĐ 98 về mua sắm thay bằng NĐ 104).

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chưa được ban hành đầy đủ, các địa phương thiếu căn cứ chặt chẽ để lập, thẩm định các chương trình, dự án, trong đó có các tiêu chuẩn, quy chuẩn về IOC, dữ liệu, IoT, AI.

- Cơ chế đăng ký, trình phê duyệt kinh phí cho khoa học và công nghệ còn nhiều khó khăn, nhất là các dự án lớn, khó cần phải có tư vấn lập dự toán kinh phí mới có thể trình phê duyệt theo NĐ 98 (trước đây).

- Cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin đang vướng ở quy trình duy trì hệ thống cho thời kỳ thuê tiếp theo sau khi hết thời kỳ thuê (ảnh hưởng tính liên tục của dự án).

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số (Hạ tầng số quốc gia; điểm lờm sóng, thiếu điện; trang thiết bị tối thiểu; Nền tảng, hệ thống thông tin; Các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; số hóa và tái sử dụng dữ liệu; Điểm nghẽn về các chỉ số đo lường dựa trên dữ liệu/theo thời gian thực; An toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu...). Nguyên nhân chính; Trách nhiệm của các bên liên quan.

- Hạ tầng số: Khu vực miền núi vẫn chưa thể phủ sóng di động 4G/5G cho 100% dân số, vẫn còn vùng lờm sóng do diện tích rộng, địa hình hiểm trở. Nguyên nhân các doanh nghiệp chưa chủ động triển khai ở các vùng này mặc dù tỉnh đã tổ chức rà soát, đôn đốc thực hiện.

- Cơ sở dữ liệu trọng điểm chưa hoàn thành 100%; chưa kết nối liên thông do chưa có hướng dẫn về tiêu chuẩn kết nối. Nguyên nhân, các đơn vị đang xây dựng CSDL tự phát, đồng thời một số bộ/ngành cũng chưa có hướng dẫn về kiến trúc, cấu trúc dữ liệu ngành.

- Việc số hóa tài liệu, hồ sơ còn chậm thực hiện.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (các vấn đề liên quan đến: Hợp tác 3 nhà, khu công nghệ cao, đô thị thông minh, công nghệ chiến lược, sở hữu trí tuệ, Cổng sáng kiến, Sàn KHCN; Trung tâm đổi mới sáng tạo...); Nguyên nhân chính; Trách nhiệm của các bên liên quan.

- Hợp tác 3 nhà: Đã được ký kết trong tháng 6/2026

- Khu Công nghệ cao: chưa hình thành cho chưa đủ tiêu chuẩn để hình thành.

- Đô thị thông minh: Các hạ tầng và dịch vụ thông minh còn hạn chế do chưa được các ngành quan tâm nghiên cứu, đầu tư; kinh phí đầu tư lớn.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân (tình trạng chậm phân bổ, chậm giải ngân; cơ cấu phân bổ chưa hợp lý giữa KHCN - ĐMST - CDS; những khó khăn, vướng mắc về cơ chế tài chính, tiêu chí phân loại, thủ tục đầu tư, tổ chức thực hiện, năng lực hấp thụ vốn và phối hợp giữa các cơ quan...). Nguyên nhân chính; Trách nhiệm của các bên liên quan.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai từ đầu năm, tuy nhiên việc phân bổ vốn thường thực hiện trong Quý II, dẫn đến một số nhiệm vụ chậm triển khai.

- Quy trình, thủ tục về đầu tư mua sắm, thẩm quyền quyết định đầu tư thay đổi liên tục theo các nghị định của Chính phủ, ảnh hưởng đến tiến độ lập, thẩm định các dự án công nghệ thông tin.

- Cơ chế “báo giá” trong xác định dự toán dự án công nghệ thông tin, nhất là phần mềm, tạo ra nhiều rủi ro, bất cập trong thực hiện dự án.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nguyên nhân chính; Trách nhiệm của các bên liên quan.

- Khoa học công nghệ là lĩnh vực khó, hiện nay càng khó với nhiều nhiệm vụ phức tạp, chưa có tiền lệ. Việc chưa có được một chính sách hiệu quả cho người giỏi không thể thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao (trong khi Nghề An còn hạn chế về ngân sách).

- Hiện cán bộ thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước chủ yếu là kiêm nhiệm, học trái ngành, việc tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ mặc dù được triển khai liên tục nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

7. Các vấn đề khác có liên quan:

Hệ thống các báo cáo tần suất lớn của nhiều cơ quan khác nhau, mẫu biểu khác nhau; nội hàm, chỉ tiêu các nội dung yêu cầu báo cáo còn thiếu giải thích, cách tính do đó gây áp lực lớn lên các địa phương. Việc này ảnh hưởng lớn đến các nhiệm vụ chuyên môn, không kịp hoàn thành để đưa vào báo cáo.

Phần 4

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG NỔI BẬT, ĐÓNG GÓP CHO TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

Các nội dung có tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư, năng suất lao

động và hiệu quả quản trị mục tiêu tăng trưởng GRDP trên 10%:

1. **Cải cách hành chính, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính** đạt kết quả nổi bật với 1.340.317 hồ sơ được tiếp nhận, 1.307.301 hồ sơ được giải quyết, tỷ lệ đúng và trước hạn đạt 98,52%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 96,9%, góp phần giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục cho người dân và doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

2. **Hạ tầng số tiếp tục được mở rộng và nâng cấp**, với 100% xã, phường có cáp quang, 99,97% dân số được phủ sóng 4G, 100% khu công nghiệp trọng điểm được phủ sóng 5G, tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển thương mại điện tử, kinh tế số và các ngành công nghiệp công nghệ cao.

3. **Công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và nền tảng số có bước chuyển biến rõ nét**, tỉnh đã ban hành 518 văn bản chỉ đạo, giao và theo dõi 271 nhiệm vụ, hoàn thành 163 nhiệm vụ; từng bước hình thành các nền tảng dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống quản trị số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển.

4. **Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước trở thành động lực tăng trưởng mới**, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh; tạo nền tảng quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt từ 10,5% trở lên trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo.

Phần 5

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ, ngày 29/12/2025 của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng BCĐTW về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại Hội nghị tổng kết năm 2025; Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 2/2/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia; Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 14/02/2026 của Tỉnh ủy về phát triển KHCN, ĐMST CDS trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026; Chương trình công tác năm 202 số 01-CTr/BCĐ ngày 14/04/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh và các văn bản giao nhiệm vụ của Trung ương, của Tỉnh ủy, của Ban Chỉ đạo tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Ban Chỉ đạo tỉnh; Ban Chỉ đạo UBND tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành Trung ương.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Tiếp tục làm tốt công tác quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò KHCN, ĐMST và CDS đến với cán bộ đảng viên và Nhân dân. Các ngành, lĩnh vực, địa phương phải coi thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW và các kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm hằng tháng.

Đơn vị chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2.3. Các sở, ngành, địa phương trên cơ sở Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo, khẩn trương triển khai thực hiện theo tiến độ được giao.

Đơn vị chủ trì: Ban Chỉ đạo UBND tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành Trung ương

Thời gian thực hiện: Theo tiến độ đề ra trong văn bản giao việc.

4. Tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách; các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt có liên quan nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với tiến độ ban hành văn bản của Trung ương và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo các kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Ban Chỉ đạo UBND tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho 04 nhóm đối tượng (CBCCVC; học sinh, sinh viên; người lao động và người dân) theo Kế hoạch 328-KH/TU; Kế hoạch 348/KH-UBND và Kế hoạch số 36-KH/TU, ngày 11/3/2026 của Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Nghệ An năm 2026.

Đơn vị chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

6. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, trong đó tiếp tục xây dựng hạ tầng viễn thông vùng sâu, vùng xa, từng bước xóa vùng lùm sóng; phủ sóng 5G đến các đô thị tại địa phương. Nghiên cứu xây dựng hạ tầng số cho cơ quan nhà nước theo tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó bao gồm xây dựng lại hệ thống mạng máy tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị IoT cho cấp xã; triển

khai mạng truyền số liệu phục vụ cơ quan Đảng và Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Phần đầu đưa vào vận hành trung tâm giám sát, điều hành thông minh IOC.

Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

7. Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, tài liệu để tái sử dụng trong các lĩnh vực trọng điểm; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực để đưa hoạt động chính quyền lên môi trường mạng.

Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

8. Tăng cường an toàn thông tin, an ninh mạng: Rà soát các hệ thống thông tin, cập nhật, bổ sung hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được phê duyệt. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực về an toàn thông tin mạng.

Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thời gian thực hiện: Năm 2026

II- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Chính phủ

Tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành sớm ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời sớm hoàn thiện ban hành các bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu; ban hành tiêu chuẩn và hướng dẫn kết nối thống nhất các hệ thống thông tin trong hệ thống chính trị để các địa phương triển khai thực hiện.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

Đẩy nhanh triển khai Chương trình viễn thông công ích, nhất là đầu tư hạ tầng viễn thông tại vùng sâu, vùng xa, xóa các vùng “lỗ sóng”.

Phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu tháo gỡ các khó khăn trong quy trình lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư, trong đó bao gồm hướng dẫn việc thí điểm các gói mua sắm công theo nhiệm vụ Trung ương giao cho địa phương thực hiện trong năm 2026.

Hướng dẫn các địa phương xây dựng hạ tầng cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp.

Tổng kết mô hình đô thị thông minh, trung tâm điều hành thông minh (IOC) để đúc rút kinh nghiệm, định hướng triển khai cho các địa phương.

3. Bộ Tài chính

Xây dựng cơ chế thống kê chỉ số kinh tế số, xã hội số; cơ chế hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về KHCN, CDS, an toàn, an ninh mạng; xem xét bổ sung quy định gia hạn thuê dịch vụ công nghệ thông tin sau khi hết thời gian thuê để tháo gỡ vướng mắc về pháp lý về thuê dịch vụ.

4. Các bộ, ngành liên quan

Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin theo hướng dùng chung toàn quốc cho cả 3 cấp để bảo đảm kết nối, thống nhất dùng chung; thống nhất dữ liệu.

(Phụ lục XIV kèm theo)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thái Văn Thành